

Bản án số: 88/2022/DS-PT

Ngày: 14-9-2022

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 14/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2022/TLPT ngày 25/7/2022 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị T, sinh năm: 1974

Bà Vũ Thị H, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp 01, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T và bà H: Ông Bùi Gia N, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: số 455, QL.14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

*** Bị đơn:** Bà Vũ Thị T2, sinh năm: 1981; Bà Vũ Thị H2, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2 và bà H2: Ông Trịnh Đắc H3, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị H - ủy quyền cho ông Bùi Gia N**

trình bày:

Bà Phạm Thị Vội sinh được 05 người con gồm có: bà Vũ Thị T, sinh năm 1974, bà Vũ Thị H, sinh năm 1978, bà Vũ Thị T2, sinh năm 1981, bà Vũ Thị H2, sinh năm 1983 và một người con trai Vũ Văn Sơn, sinh năm 1974 (đã chết vào năm 1995, ông Sơn không có vợ con) là chị em ruột cùng mẹ, cùng cha là bà Phạm Thị Vội, sinh năm 1949 và ông Vũ Văn Thoái, sinh năm 1940. Năm 1990, ông Vũ Văn Thoái qua đời (khi đó không khai tử nên không có giấy chứng tử) và cụ Vội chết vào ngày 05/3/2020, các cụ không có con riêng, khi cụ Vội chết không để lại di chúc.

Ngày 03/02/1996, cụ Phạm Thị Vội được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Sông Bé (nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.701m², trong đó có 400m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 08. Ngày 14/12/2006, Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước) cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Vội với diện tích 1.701m², trong đó có 400m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 08 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH.300192, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H07159/QSĐĐ/7045/QĐUB

Khoảng tháng 4/2008, bà Vội đã tặng cho bà Vũ Thị T2 một phần đất có diện tích 330,8m² (Trong đó có 100m² thổ cư) và cho bà Vũ Thị H2 một phần đất có diện tích 404,9m² (trong đó có 100m² đất thổ cư. Hai phần đất này đã được tách từ thửa đất số 16, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.701m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 300192, vào sổ cấp GCN QSĐĐ số H07159/QSĐĐ/7045/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp ngày 14/12/2006; Cụ thể như sau: thửa đất số 226, tờ bản đồ số 08, diện tích 330,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 713152, số vào sổ H08621/QSĐĐ/2970/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Vũ Thị T2; Thửa đất số 337, tờ bản đồ số 08, diện tích 404,9m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 713151, số vào sổ H08620/QSĐĐ/2971/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Vũ Thị H2, diện tích đất còn lại sau khi bà Vội tách thửa tặng cho bà T2 và bà H2 là 965,3m² trong đó có 200m² đất thổ cư.

Nay bà T, bà H yêu cầu chia quyền sử dụng 965,3m² đất theo GCNQSĐĐ số AM 300192, số vào sổ H07159/QSĐĐ/7045/QĐUB do UBND Đồng Xoài cấp ngày 14/12/2006 (thay đổi pháp lý trang 4 ngày 03/6/2008) thành 04 phần bằng nhau cho T, H, T2, H2. Tuy nhiên, diện tích 965,3m² đất sau khi điều chỉnh biên động trang 4 được chia làm 02 phần lớn, nhỏ không liền nhau nên nguyện vọng của nguyên đơn bà T và bà H được nhận phần đất lớn có chiều rộng mặt đường 18,8m, dài hết đất.

Còn đối với số tiền 450.630.000 đồng thì bà T, bà H xin rút yêu cầu không yêu cầu không xem xét giải quyết.

**** Bị đơn bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2 - ủy quyền cho Trịnh Đắc H3***

trình bày:

Bà Phạm Thị Vội sinh được 05 người con gồm có: bà Vũ Thị T, sinh năm 1974, bà Vũ Thị H, sinh năm 1978, bà Vũ Thị T2, sinh năm 1981, bà Vũ Thị H2, sinh năm 1983 và một người con trai Vũ Văn Sơn, sinh năm 1974 (đã chết vào năm 1995, ông Sơn không có vợ con) là chị em ruột cùng mẹ, cùng cha là bà Phạm Thị Vội, sinh năm 1949 và ông Vũ Văn Thoái, sinh năm 1940. Năm 1990, ông Vũ Văn Thoái qua đời (khi đó không khai tử nên không có giấy chứng tử) và cụ Vội chết vào ngày 05/3/2020, các cụ không có con riêng, khi cụ Vội chết không để lại di chúc.

Ngày 03/02/1996, cụ Phạm Thị Vội được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Sông Bé (nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.701m², trong đó có 400m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 08. Ngày 14/12/2006, Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước) cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Vội với diện tích 1.701m², trong đó có 400m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 08 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH.300192, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H07159/QSĐĐ/7045/QĐUB

Ngày 01/4/2008, bà Vội đã tặng cho bà Vũ Thị T2 một phần đất có diện tích 330,8 m² (Trong đó có 100m thổ cư) và cho bà Vũ Thị H2 một phần đất có diện tích 404,9m² (trong đó có 100m² đất thổ cư. Hai phần đất này đã được tách từ thửa đất số 16, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.701m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 300192, vào sổ cấp GCN QSĐĐ số H07159/QSĐĐ/7045/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp ngày 14/12/2006; Cụ thể như sau: thửa đất số 226, tờ bản đồ số 08, diện tích 330,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 713152, số vào sổ H08621/QSĐĐ/2970/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Vũ Thị T2; Thửa đất thửa đất số 337, tờ bản đồ số 08, diện tích 404,9m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 713151, số vào sổ H08620/QSĐĐ/2971/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Vũ Thị H2, diện tích đất còn lại sau khi bà Vội tách thửa tặng cho bà T2 và bà H2 là 965,3m² trong đó có 200m² đất thổ cư.

Nay bà T2, bà H2 yêu cầu chia quyền sử dụng 965,3m² trong đó có 200m² thành 04 phần bằng nhau cho T, H, T2, H2. Tuy nhiên, diện tích 965,3m² đất sau khi điều chỉnh biến động trang 4 được chia làm 02 phần lớn, nhỏ không liên nhau nên nguyện vọng của bà H2 là do bà là con út trong gia đình, thường xuyên lo H2 khó khăn cho ông bà nên yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 256,1m² và trên đất có nhà ở, phần diện tích đất còn lại thì chia đều cho bà T, bà H và bà T2. Ngoài ra, khi còn sống bà Vội có để dành được một khoản tiền mặt là 450.630.000 đồng. Ngày 03/3/2020 bà Vội đã tặng toàn bộ số tiền này cho bà Vũ Thị H2 và giao giấy tờ đất cho bà H2 cất giữ, thời điểm bà Vội đưa tiền cho bà H2, tình trạng tinh thần của bà Vội hoàn toàn minh mẫn, không bị ai ép buộc, lừa dối. Nay bà Vũ Thị T và

bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế số tiền 450.630.000 đồng thành 04 phần bằng nhau, thì bà T2 và bà H2 không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị H đối với số tiền 450.630.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị H.

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị H2: Diện tích 256,1m² (trong đó có 100m² đất thổ cư), đất có tứ cận; Phía Bắc giáp đường nhựa dài 8,04m; Phía nam giáp đất ông Thành, ông Quế dài 7,88m; Phía Đông giáp đất bà H2 dài 34,20m và Phía Tây giáp đất bà T2 dài 33,11m, cùng tài sản trên đất có: 01 căn nhà cấp 04 xây dựng năm 1999 có diện tích 45,08m², móng xây đá, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch men; 01 nhà bán kiên cố diện tích 29,11m² móng xây đá, tường xây gạch không tô, mái lợp tôn, nền lát xi măng; 01 nhà vệ sinh diện tích 1,92m² tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng; 01 bể nước có thể tích 3,16m³ và 01 sân lát gạch tàu có diện tích 15,18m².

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị T: Diện tích 345,4m² (trong đó có 50m² đất thổ cư), đất có tứ cận; Phía Bắc giáp đường nhựa dài 9,42m; Phía Nam giáp đất ông Quế dài 11,14m; Phía Đông giáp đất bà H dài 33,84m và Phía Tây giáp đất H2 dài 33,45m.

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị H: Diện tích 350m² (trong đó có 50m² đất thổ cư), đất có tứ cận; Phía Bắc giáp đường nhựa dài 9,41m; Phía Nam giáp đất ông Quế dài 11,14m; Phía Đông giáp đất ông Quế dài 34,33m và Phía Tây giáp đất T dài 33,84m.

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị T2: Bà Vũ Thị H2 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Vũ Thị T2 số tiền là 131.051.687 đồng (*Một trăm ba mươi một triệu không trăm năm mươi một ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng*).

Bà Vũ Thị H2 có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị di sản được chia chênh lệch cho bà Vũ Thị T số tiền là 1.971.687 đồng (*Một triệu chín trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng*) và hoàn trả cho bà Vũ Thị H là 1.051.687 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi một ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/4/2022 bị đơn bà Vũ Thị T2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Chia cho bà Vũ Thị T diện tích đất 233,7m², chiều rộng mặt đường 6,27m, mặt hậu là 7,42m (trong đó có 50m² đất thổ cư);

Chia cho bà Vũ Thị H diện tích đất 231,9m², chiều rộng mặt đường 6,28m, mặt hậu là 7,42m (trong đó có 50m² đất thổ cư);

Chia cho bà Vũ Thị T2 diện tích đất 229,8m², chiều rộng mặt đường 6,28m, mặt hậu là 7,42m (trong đó có 50m² đất thổ cư);

Chia cho bà Vũ Thị H2 diện tích đất 256,1m², chiều rộng mặt đường 8,04m, mặt hậu là 7,88m (trong đó có 50m² đất thổ cư), bà H2 có nghĩa vụ trả lại cho đồng hàng thừa kế còn lại phần chênh lệch về giá trị đất và tài sản trên đất.

Ngày 18/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo hướng kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về phần nội dung chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị Vội cho 04 đồng thừa kế: Bà Vũ Thị T, Vũ Thị H, Vũ Thị T2 và Vũ Thị H2.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa Thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. VKS giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn Vũ Thị T2, Kháng nghị của VKSND thành phố Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T, Vũ Thị H.

+ Chia cho Vũ Thị H2 phần đất thứ nhất có diện tích 256,1m², trong đó có 100m² đất thổ cư, chiều ngang giáp đường nhựa là 8,04m, chiều ngang mặt sau giáp đất ông Tạ Văn Thành, Phạm Văn Quế là 7,88m, chiều dài giáp đất Vũ Thị H2 là 34,2m, chiều dài giáp đất Vũ Thị T2 là 33,11m (theo mảnh trích đo bản đồ địa chính được Sở tài nguyên và môi trường thông qua ngày 04 /6/2021 (bút lục 80). Trên đất có một căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1999 có diện tích 4,6 x 9,8 m = 45,08m², hiện trạng móng xây đá, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch caramen, có sơn nước, trần thạch cao, hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng sắt; một nhà bán kiên cố có diện tích 29,11m², hiện trạng móng xây đá, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát xi măng, không tô tường; một nhà vệ sinh, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát xi măng, diện tích 1,92 m²; một bể nước có diện tích 3,16m³; một sân lát gạch tàu có diện tích 15,18 m². Tổng giá trị tài sản H2 được nhận là 265.126.750 đồng.

Chia cho các đồng thừa kế còn lại gồm: Bà Vũ Thị T, Vũ Thị H và Vũ Thị T2 mỗi người một phần đất sau đây:

+ Diện tích 233,7m², chiều ngang giáp đường nhựa là 6,27m, chiều ngang mặt sau giáp đất ông Phạm Văn Quế là 7,42m, chiều dài giáp đất ông Phạm Văn Quế là 34,33m, chiều dài đối diện là 34m;

+ Diện tích 231,9m², chiều ngang giáp đường nhựa là 6,28m, chiều ngang mặt sau giáp đất ông Phạm Văn Quế là 7,43m, chiều dài một cạnh là 34m, chiều dài cạnh đối diện là 33,7m:

+ Diện tích 229,8m², chiều ngang giáp đường nhựa là 6,28m, chiều ngang mặt sau giáp đất ông Phạm Văn Quế là 7,43m, chiều dài một cạnh là 33,7m, chiều dài giáp đất Vũ Thị H2 là 33,45m.

Án phí sơ thẩm, phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị T2 làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ và kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị T2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cụ bà Phạm Thị Vội, sinh năm 1949 và cụ ông Vũ Văn Thoái, sinh năm 1940 là vợ chồng, sinh được 05 người con gồm: bà Vũ Thị T, sinh năm 1974, bà Vũ Thị H, sinh năm 1978, bà Vũ Thị T2, sinh năm 1981, bà Vũ Thị H2, sinh năm 1983 và một người con trai Vũ Văn Sơn, sinh năm 1974 (đã chết vào năm 1995, ông Sơn không có vợ con). Năm 1990, ông Vũ Văn Thoái qua đời (khi đó không khai tử nên không có giấy chứng tử) và cụ Vội chết vào ngày 05/3/2020, các cụ không có con riêng, khi cụ Vội chết không để lại di chúc.

[2.1] Nguồn gốc di sản thừa kế:

Ngày 03/02/1996, cụ bà Phạm Thị Vội được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Sông Bé (nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.701m², trong đó có 400m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 08.

Ngày 14/12/2006, Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đ, tỉnh Bình Phước) cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Vội với diện tích 1.701m², trong đó có 400m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 08 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH.300192, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H07159/QSDD/7045/QĐUB. Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ Vội tạo dựng.

Trong quá trình sinh sống, ngày 01/4/2008 cụ Vội lập hợp đồng tặng cho một phần diện tích đất trong tổng diện tích 1.701m², cụ thể: Cụ Vội tặng cho con gái út

là Vũ Thị H2 diện tích 404,9m², trong đó có 100m² đất thổ cư và tặng cho con gái út là Vũ Thị T2 diện tích 330,8m², trong đó có 100m² đất thổ cư. Ngày 03/6/2008, Ủy ban nhân dân thị xã Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vũ Thị H2 và hộ bà Vũ Thị T2 đối với diện tích được tặng cho trên. Riêng đối với 02 người con gái lớn là Vũ Thị T và Vũ Thị H, khi còn sống cụ Vội chưa cho phần diện tích đất nào.

Ngày 03/6/2008 sau khi điều chỉnh biên động trang 04 diện tích đất hiện còn của cụ bà Phạm Thị Vội là 965,5m², trong đó có 200m² đất thổ cư. Do cụ Vội chết không để lại di chúc nên đây là di sản thừa kế của cụ Vội.

Theo kết quả trích đo bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước xét duyệt ngày 04/6/2021 và biên bản thẩm định giá tài sản tại cấp sơ thẩm ngày 09/7/2021 thì di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do cụ Vội để lại có diện tích thực tế là 951,5m² (ít hơn diện tích theo sổ), và điều đặc biệt là được chia thành hai phần đất (do bị chia cắt bởi phần diện tích đất mà cụ Vội đã tặng cho con gái út là H2 vào năm 2008).

Cụ thể: phần thứ nhất có diện tích 256,1m², đất có tứ cận; phía Bắc giáp đường nhựa dài 8,04m; phía nam giáp đất ông Thành, ông Quế dài 7,88m; phía Đông giáp đất bà H2 dài 34,20m và phía Tây giáp đất bà T2 dài 33,11m.

Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 04 xây dựng năm 1999 có diện tích 45,08m² móng xây đá, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch men; 01 nhà bán kiên cố diện tích 29,11m² móng xây đá, tường xây gạch không tô, mái lợp tôn, nền lát xi măng; 01 nhà vệ sinh diện tích 1,92m² tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng; 01 bể nước có thể tích 3,16m³ và 01 sân lát gạch tàu có diện tích 15,18m². Tổng giá trị tài sản là 265.126.750 đồng.

Phần thứ hai có diện tích 695,4m², đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường nhựa dài 18,83m; Phía Nam giáp đất ông Quế dài 22,28m; Phía Đông giáp đất ông Quế dài 34,33m và phía Tây giáp đất bà H2 dài 33,45m. Tổng giá trị tài sản là 259.080.000 đồng. Trên đất có 04 cây Điều, 04 cây Na và 03 cây Mít 10 năm tuổi nhưng tại phiên tòa các bên đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy phần di sản thừa kế do cụ Vội để lại là diện tích đất 965,5m², trong đó có 200m² đất thổ cư và tài sản trên đất có tổng giá trị là 524.206.750 đồng.

Cụ Vũ Văn Thoái chết vào năm 1990 và cụ Phạm Thị Vội chết vào ngày 05/3/2020, khi cụ Vội chết không để lại di chúc. Do vậy di sản thừa kế do cụ Vội để lại chia thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 650, 651 BLDS 2015.

Xác định người được hưởng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất gồm có 05 người con gồm bà Vũ Thị T, Vũ Thị H, bà Vũ Thị T2, bà Vũ Thị H2 và một người con trai Vũ Văn Sơn, sinh năm 1974 (đã chết vào năm 1995, ông Sơn không có vợ, con). Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế là bà Vũ Thị T, Vũ Thị

H, bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2, không có con riêng.

Những người trong hàng thừa kế nêu trên không có ai thuộc trường hợp “*Người không được quyền hưởng di sản*” theo quy định của pháp luật, đồng thời không có người nào từ chối nhận di sản thừa kế.

[2.2] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật:

Theo kết quả biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản, kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm được thực hiện ngày 12/9/2022 thì hiện nay trên phần đất thứ nhất, 01 nhà bán kiên cố diện tích 29,11m² móng xây đá, tường xây gạch không tô, mái lợp tôn, nền láng xi măng không còn tồn tại, mà tồn tại 01 chuồng gà, mái lợp tôn, kích thước (3,55 x 3,60)m, phía bị đơn trình bày chỉ gác tạm tôn lên cho gà trú mưa nên không có giá trị. Như vậy, tổng giá trị đất và tài sản trên phần đất thứ nhất còn lại giá trị là 243.294.250 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên phần đất thứ hai giá trị là 262.176.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên toàn bộ diện tích chia di sản có giá trị là 505.470.250 đồng.

Như vậy phần di sản thừa kế do cụ Vội để lại là diện tích đất 965,5m², trong đó có 200m² đất thổ cư và tài sản trên đất có tổng giá trị là 505.470.250 đồng. Các đồng thừa kế là bà Vũ Thị T, Vũ Thị H, bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2 mỗi người được hưởng một phần di sản thừa kế có giá trị bằng nhau là 126.367.562 đồng.

Nhận thấy, Di sản là quyền sử dụng đất có diện tích 965,5m², có nguồn gốc từ diện tích 1.701m² mà cụ Vội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Các đồng thừa kế trong vụ án là chị em ruột cùng cha, cùng mẹ, là hàng thừa kế thứ nhất nên đều có quyền hưởng di sản thừa kế ngang nhau. Hơn nữa, theo truyền thống đạo đức lâu đời của người Việt Nam thì con cùng huyết thống là cùng cha, cùng mẹ sinh ra đều được cha mẹ yêu T, tạo điều kiện ngang nhau, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào.

Do đó, mặc dù xác định di sản để chia thừa kế là diện tích đất 965,5m², song cần xem xét đối với bị đơn bà H2 là con gái út trong gia đình năm 2008 đã được cụ Vội tặng cho diện tích 404,9m², trong đó có 100m² đất thổ cư, hiện nay đã xây nhà trên đất để ở và ngoài ra bị đơn bà H2 còn được cụ Vội tặng cho số tiền 450.630.000 đồng.

Cũng tương tự như trên, đối với bị đơn bà Vũ Thị T2 là con gái kế út, năm 2008 cũng được cụ Vội tặng cho diện tích 330,8m², trong đó có 100m² đất thổ cư, hiện nay đã xây nhà trên đất.

Hơn nữa, sau khi Tòa án cấp phúc thẩm về hiện trạng thừa đất để xem xét thẩm định theo yêu cầu của đương sự thì diện tích đất để chia di sản còn lại là 951,5m², như phân tích trên, được tách thành hai phần đất: Phần đất thứ nhất có diện tích 256,1m²; Phần thứ hai có diện tích 695,4m². Thì điểm đặc thù là phần đất thứ nhất lại nằm giữa 02 diện tích đất mà cụ Vội năm 2008 đã tặng cho hai con gái

kế út và út là bà T2 và bà H2. Do đó, để Thuận tiện trong liên kết ranh giới, đồng thời thuận tiện cho việc nhập thừa, cũng như quản lý sử dụng cần xem xét chia phần đất này cho bà T2, bà H2 là có căn cứ, phù hợp thực tế sử dụng, đạo đức xã hội, đảm bảo sự công bằng trong nội bộ gia đình.

Đối với nguyên đơn bà H và bà T, như đã phân tích trên, mặc dù là con ruột nhưng khi cụ Vội còn sống chưa được tặng cho phần diện tích nào nên cần xem xét chia cho phần diện tích đất trống.

Cụ thể:

Giao cho bị đơn bà T2 quản lý sử dụng phần đất có diện tích 153,5m², (trong đó có 50 m² thổ cư), có mốc vị trí theo tọa độ góc ranh 1 – 1a – 4 – 5, (T2ộc diện tích 256,1m²) và 01 căn nH cấp 4 xây dựng năm 1999 có diện tích 45,08m² móng xây đá, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch men,; 01 nhà vệ sinh diện tích 1,92m² tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng; 01 bể nước có thể tích 3,16m³ và 01 sân lát gạch tàu có diện tích 15,18m², phần đất này tiếp đất bà T2 đã xây nhà ở. Tổng giá trị tài sản là 163.174.250 đồng (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho bị đơn bà H2 quản lý sử dụng phần đất có diện tích 100,6m², (trong đó có 50 m² thổ cư), đất có vị trí theo tọa độ góc ranh 1a-2-3-4 (T2ộc diện tích 256,1m²) tiếp giáp với phần đất bà H2 đã xây nhà ở. Tổng giá trị tài sản là 80.120.000 đồng (có sơ đồ kèm theo).

Phần thứ hai có diện tích 695,4m². Được chia cho bà Vũ Thị T diện tích 345,4m² (trong đó có 50m² đất thổ cư), đất có vị trí theo tọa độ góc ranh 1-2-5-6 (có sơ đồ kèm theo). Tổng giá trị tài sản là 129.080.000 đồng.

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị H diện tích 350m² (trong đó có 50m² đất thổ cư), đất có vị trí theo tọa độ góc ranh 2-3-4-5 có tứ cận: Phía Bắc giáp đường nhựa dài 9,41m; Phía Nam giáp đất ông Quế dài 11,14m; Phía Đông giáp đất ông Quế dài 34,33m và Phía Tây giáp đất bà T dài 33,84m. Tổng giá trị tài sản là 130.000.000 đồng. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Vũ Thị T2 có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị di sản được chia chênh lệch cho bà Vũ Thị H2 được chia với số tiền là 36.806.687 đồng.

Bà Vũ Thị T có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị di sản được chia chênh lệch cho bà Vũ Thị H2 là 5.808.438 đồng.

Bà Vũ Thị H có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị di sản được chia chênh lệch cho bà Vũ Thị H2 là 3.632.438 đồng.

Đối với yêu cầu định giá lại tài sản HĐXX nhận thấy: Ngày 22/8/2022 sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đương sự mới có yêu cầu định giá lại tài sản, còn trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử thì không có yêu cầu. Tại cấp sơ thẩm các đương sự cũng đồng ý giá HĐĐG đã định giá ngày 09/7/2021, không ai có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại. Hơn nữa, như phân tích trên HĐXX cấp phúc thẩm đã xem xét chia cho các đương sự được nhận đất nên yêu cầu trên là không

cần thiết.

Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu kháng nghị của VKSND thành phố Đ và kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị T2 là có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần. Cần sửa một phần Bản án sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Do bản án sơ thẩm được sửa nên cần điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được xem xét lại như sau:

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tại cấp sơ thẩm: 4.000.000 đồng và chi phí đo đạc 10.464.999 đồng (bà T đã nộp), các đương sự bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2 mỗi người phải chịu số tiền là 3.616.000 đồng. Do đó, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2 mỗi người phải hoàn trả cho bà Vũ Thị T số tiền là 3.616.000 đồng.

Chi phí tại cấp phúc thẩm: Bà T2 nộp 2.700.000 đồng, mỗi người phải chịu số tiền 675.000 đồng. Bà T, bà H, bà H2 mỗi người phải hoàn trả cho bà T2 số tiền 675.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2 mỗi người phải nộp số tiền là $126.367.562 \text{ đồng} \times 5\% = 6.319.000 \text{ đồng}$.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T2 được chấp nhận nên bà T2 không phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị T2.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 610, 612, 613, 649, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T2, miễn, giảm, T2, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị T và bà Vũ Thị H đối với số tiền 450.630.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vũ Thị T và bà

Vũ Thị H.

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị T2: phần đất có diện tích 153,5m² (trong đó có 50m² đất thổ cư) có mốc vị trí tọa độ góc ranh 1 – 1a – 4 – 5, (thuộc diện tích 256,1m²) và 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1999 có diện tích 45,08m² móng xây đá, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch men; 01 nhà vệ sinh diện tích 1,92m² tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng; 01 bể nước có thể tích 3,16m³ và 01 sân lát gạch tàu có diện tích 15,18m² tiếp giáp với phần đất bà T2 đã xây nhà ở (có sơ đồ kèm theo)

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị H2: Diện tích 100,6m², (trong đó có 50m² đất thổ cư), đất có vị trí theo tọa độ góc ranh 1a-2-3-4 thuộc diện tích 256,1m² tiếp giáp với phần đất bà H2 đã xây nhà ở, (có sơ đồ kèm theo).

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị T: Diện tích 345,4m² (trong đó có 50m² đất thổ cư), đất có vị trí theo tọa độ góc ranh 1-2-5-6 (có sơ đồ kèm theo).

Phần tài sản chia cho bà Vũ Thị H: Diện tích 350m² (trong đó có 50m² đất thổ cư), đất có vị trí theo tọa độ góc ranh 2-3-4-5 (có sơ đồ kèm theo).

Bà Vũ Thị T2 có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị di sản được chia chênh lệch cho bà Vũ Thị H2 được chia với số tiền là 36.806.687 đồng.

Bà Vũ Thị T có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị di sản được chia chênh lệch cho bà Vũ Thị H2 là 5.808.438 đồng.

Bà Vũ Thị H có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị di sản được chia chênh lệch cho bà Vũ Thị H2 là 3.632.438 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tại cấp sơ thẩm: 4.000.000 đồng và chi phí đo đạc 10.464.999 đồng (bà T đã nộp), các đương sự bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2 mỗi người phải chịu số tiền là 3.616.000 đồng. Do đó, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2 mỗi người phải hoàn trả cho bà Vũ Thị T số tiền là 3.616.000 đồng.

Chi phí tại cấp phúc thẩm: Bà T2 nộp 2.700.000 đồng, mỗi người phải chịu số tiền 675.000 đồng. Bà T, bà H, bà H2 mỗi người phải hoàn trả cho bà T2 số tiền 675.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị T2 và bà Vũ Thị H2 mỗi người phải nộp số tiền 6.319.000 đồng.

Bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.382.000 đồng (*Chín triệu ba trăm tám mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai T2 tiền số 0025991 ngày 25/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị H mỗi người phải nộp thêm số tiền là 1.628.000 đồng.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị T2 không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà T2 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0004438 ngày 01/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Hạnh